

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 12/2019/ HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lệ Thủy.

2. Ông Nguyễn Kim Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim S**; sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 30 cũ phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú hiện nay: phòng 407 chung cư A4 Vũng Thùng, tổ 58 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thiên H**; Sinh năm: 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 30 cũ phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hiện nay đang chấp hành án tại đội 25, phân trại 2 Trại giam A, tỉnh Quảng Nam (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Thiên H kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn trong năm 2003 ông H đã có hành vi bạo lực đối với tôi, đến năm 2009 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do chồng tôi thường xuyên cờ bạc và còn ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tôi đã cho ông nhiều cơ hội nhưng ông vẫn không thay đổi. Đến cuối năm 2013 thì ông H bị xử phạt tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, phải chấp hành án tại Trại giam A thuộc Tổng cục VIII - Bộ công an với mức án 09 năm tù. Một mình tôi ở nhà phải lo bươn chải nuôi 02 con nhỏ nhưng ông H không biết ăn năn, hối cải mà còn dùng nhiều lời lẽ xúc phạm tôi mỗi khi tôi lên trại giam thăm ông. Nay tôi xác định không còn yêu thương ông H nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Tôi xác định vợ chồng tôi có hai con chung là Nguyễn Thiên T, sinh ngày 01/04/2003 và Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 30/6/2011. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Thiên H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim S về điều kiện kết hôn, thời điểm và nơi đăng ký kết hôn, hôn nhân của hai chúng tôi là tự nguyện. Chúng tôi sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tôi không còn tình cảm với nhau, không hợp nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Nay vợ tôi xin ly hôn nhưng vì hai con chung nên tôi mong muốn đoàn tụ để hai con có cả cha và mẹ.

- Về con chung: Tôi và bà Nguyễn Thị Kim S có 02 con chung là: Nguyễn Thiên T, sinh ngày 01/04/2003 và Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 30/6/2011. Nguyên vọng của tôi là muốn hai con có đầy đủ cả cha và mẹ nhưng nếu vợ tôi cương quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì tôi cũng đồng ý giao hai con cho vợ tôi nuôi, tôi không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim S đối với ông Nguyễn Thiên H.

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 cháu Nguyễn Thiên T và Nguyễn Thị Kiều T cho bà S nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thiên H không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Thiên H đều xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim S đối với ông Nguyễn Thiên H là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Ông Nguyễn Thiên H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do phải chấp hành án tại Trại giam A nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Thiên H tự nguyện kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim S và ý kiến của ông Nguyễn Thiên H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thiên H không có mặt vì đang phải chấp hành án tại Trại giam A nhưng quá trình hòa giải cả hai ông bà đều thừa nhận khi còn chung sống giữa hai ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị Kim S thì cho rằng ngay sau khi kết hôn trong năm 2003 ông H đã có hành vi bạo lực đối với bà, đến năm 2009 thì

mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên cờ bạc, còn ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau. Bà đã cho ông nhiều cơ hội nhưng ông vẫn không thay đổi. Đến cuối năm 2013 thì ông H bị xử phạt tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải chấp hành án tại Trại giam A với mức án 09 năm tù. Một mình bà ở nhà phải lo bươn chải nuôi 02 con nhỏ nhưng ông H không biết ăn năn hối cải mà còn dùng nhiều lời lẽ xúc phạm bà; còn ông H cũng cho rằng sau thời gian chung sống được hơn 10 năm thì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không hợp nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Và cả hai cũng đều thừa nhận đến nay vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do đó mặc dù ông H có nguyện vọng đoàn tụ vì hai con nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa hai ông bà đã đến mức trầm trọng, kéo dài nhiều năm nay, hơn nữa hiện tại ông H còn đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nếu cứ duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích; Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông H mà căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim S là phù hợp.

[3] Về con chung: bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Thiên H đều xác định có 02 con chung là: Nguyễn Thiên T, sinh ngày 01/04/2003 và Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 30/6/2011.

Ly hôn, bà S có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Còn ông H muốn hai con có đầy đủ cả cha và mẹ nhưng nếu bà S cương quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì ông cũng đồng ý giao hai con cho bà S nuôi, ông không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi hai con.

Xét yêu cầu của hai ông bà về việc nuôi con thì thấy, từ khi ông H đi chấp hành án tại Trại giam A thì một mình bà S phải nuôi hết cả hai con, các cháu đều học hành và phát triển tốt, nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với mẹ. Bản thân ông H cũng còn đang phải chấp hành án tại trại giam. Do đó, HĐXX thấy cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 giao các cháu Nguyễn Thiên T và Nguyễn Thị Kiều T cho bà S nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Kim S và ông Nguyễn Thiên H đều xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng phí 300.000đ bà Nguyễn Thị Kim S đã nộp tại biên lai thu số 07671 ngày 14.3.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim S đối với ông Nguyễn Thiên H;

Xử: Cho bà Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với ông Nguyễn Thiên H.

2. Về con chung:

Xử:

- Giao các cháu Nguyễn Thiên T, sinh ngày 01/04/2003 và Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 30/6/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng;

Ông Nguyễn Thiên H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng phí 300.000đ bà Nguyễn Thị Kim S đã nộp tại biên lai thu số 07671 ngày 14.3.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày NH được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân phường N,
quận S, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

